

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế  
Bình Định (BIDIPHAR)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 37



# Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần thứ 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên	
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024

# Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Thanh Hương.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

5956  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ  
Y TẾ BÌNH ĐỊNH  
BIDIPHAR  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

# Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Trên mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12315209/67742120/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") được lập ngày 22 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

M.S.D  
C.P  
H.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2266-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.242.248.674.933</b>	<b>1.213.083.413.718</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>124.096.857.145</b>	<b>85.801.721.026</b>
111	1. Tiền		46.596.857.145	40.801.721.026
112	2. Các khoản tương đương tiền		77.500.000.000	45.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>127.676.911.108</b>	<b>218.694.519.950</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.393.300	1.393.300
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	127.675.517.808	218.693.126.650
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>471.017.479.606</b>	<b>410.710.581.647</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	448.809.065.544	457.903.096.664
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	86.971.784.134	15.556.726.465
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		198.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.131.070.628	6.629.542.392
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(70.092.440.700)	(69.378.783.874)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>508.698.351.660</b>	<b>486.319.843.079</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	517.079.373.124	496.829.958.227
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.381.021.464)	(10.510.115.148)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.759.075.414</b>	<b>11.556.748.016</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8.975.648.157	9.534.457.212
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.646.666.105	1.868.510.199
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	136.761.152	153.780.605
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>716.331.031.834</b>	<b>694.049.379.025</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>354.263.683.544</b>	<b>356.945.040.045</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	296.891.521.271	298.745.175.954
222	Nguyên giá		801.768.352.658	780.274.733.405
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(504.876.831.387)	(481.529.557.451)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	57.372.162.273	58.199.864.091
228	Nguyên giá		75.825.743.392	75.825.743.392
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.453.581.119)	(17.625.879.301)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>185.036.340.516</b>	<b>162.223.717.793</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	185.036.340.516	162.223.717.793
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>131.381.582.971</b>	<b>131.381.582.971</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		35.000.000.000	35.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		92.868.048.000	92.868.048.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.513.534.971	3.513.534.971
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>45.649.424.803</b>	<b>43.499.038.216</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	37.419.249.023	35.723.253.948
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	8.230.175.780	7.775.784.268
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.958.579.706.767</b>	<b>1.907.132.792.743</b>

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định  
(BIDIPHAR)

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>463.378.111.503</b>	<b>545.068.853.439</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>334.082.419.423</b>	<b>406.990.534.220</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	106.363.042.693	112.644.108.953
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	11.256.316.175	18.331.882.916
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	25.069.649.913	27.127.937.881
314	4. Phải trả người lao động		72.770.928.557	83.834.269.433
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	15.847.450.538	30.792.623.284
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.659.860.643	13.400.913.876
320	7. Vay ngắn hạn	19	16.000.000.000	35.267.119.497
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	82.115.170.904	85.591.678.380
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>129.295.692.080</b>	<b>138.078.319.219</b>
338	1. Vay dài hạn	19	36.000.000.000	44.000.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.13	7.253.031.400	6.652.220.099
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	86.042.660.680	87.426.099.120
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.495.201.595.264</b>	<b>1.362.063.939.304</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>1.490.237.516.251</b>	<b>1.357.784.787.851</b>
411	1. Vốn cổ phần		748.835.590.000	748.835.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		748.835.590.000	748.835.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.921.442.000	20.921.442.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.952.796.558)	(1.952.796.558)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		174.168.770.079	174.168.770.079
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		548.264.510.730	415.811.782.330
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		415.811.782.330	198.684.345.530
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		132.452.728.400	217.127.436.800
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>23</b>	<b>4.964.079.013</b>	<b>4.279.151.453</b>
431	1. Nguồn kinh phí		2.134.377.532	988.645.822
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		2.829.701.481	3.290.505.631
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.958.579.706.767</b>	<b>1.907.132.792.743</b>

  
Phạm Thị Thanh May  
Người lập

  
Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng

  
Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

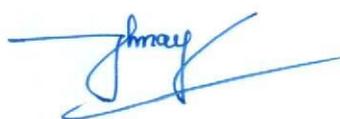
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	816.569.549.644	791.149.287.464
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(31.061.753.371)	(26.625.075.592)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	785.507.796.273	764.524.211.872
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(401.105.792.577)	(380.627.268.002)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		384.402.003.696	383.896.943.870
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	11.163.265.683	7.772.182.677
22	7. Chi phí tài chính	27	(7.542.260.748)	(8.381.795.855)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.253.444.275)	(4.313.550.723)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(185.321.803.661)	(182.921.022.759)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(45.226.624.564)	(43.177.789.234)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		157.474.580.406	157.188.518.699
31	11. Thu nhập khác		63.122.906	397.663.864
32	12. Chi phí khác		(228.483.358)	(4.020.600)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(165.360.452)	393.643.264
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		157.309.219.954	157.582.161.963
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(25.310.883.066)	(32.321.732.954)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	454.391.512	578.098.646
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		132.452.728.400	125.838.527.655



Phạm Thị Thanh May  
Người lập



Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng



  
Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

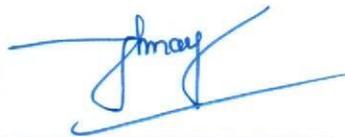
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>157.309.219.954</b>	<b>157.582.161.963</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		23.788.374.892	23.250.075.734
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		703.647.910	(412.027.153)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		393.512.899	234.549.187
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.334.058.155)	(6.660.501.715)
06	Chi phí lãi vay	27	2.253.444.275	4.313.550.723
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>174.114.141.775</b>	<b>178.307.808.739</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(4.910.539.271)	12.861.848.350
10	Tăng hàng tồn kho		(20.249.414.897)	(86.662.533.367)
11	Giảm các khoản phải trả		(46.147.002.990)	(22.572.104.368)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.137.186.020)	(3.979.773.889)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.385.389.275)	(4.480.783.723)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(29.535.112.886)	(12.975.825.788)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		701.127.560	6.710.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.031.903.326)	(18.337.020.758)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>67.418.720.670</b>	<b>42.168.325.196</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(101.176.193.868)	(61.815.514.486)
23	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng		(127.873.517.808)	(74.299.178.082)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn		218.693.126.650	175.789.250.637
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		8.519.041.179	7.478.827.459
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.837.543.847)</b>	<b>47.153.385.528</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	40.466.201.000	185.824.056.089
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(67.733.320.497)	(152.707.632.271)
36	Cổ tức đã trả	22.2	-	(149.626.204.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(27.267.119.497)</b>	<b>(116.509.780.182)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		38.314.057.326	(27.188.069.458)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		85.801.721.026	50.245.427.142
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.921.207)	(49.198.759)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	124.096.857.145	23.008.158.925



Phạm Thị Thanh May  
Người lập



Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần thứ 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.298 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.273 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)*

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 43 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này ghi nhận quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho nhân viên và quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty, và được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên. Quỹ này được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

02  
ÔNG  
Ở PH  
RANG  
BÌNH  
DIPH  
DN-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	869.436.755	1.260.939.904
Tiền gửi ngân hàng	45.727.420.390	39.540.781.122
Tương đương tiền (*)	77.500.000.000	45.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>124.096.857.145</b>	<b>85.801.721.026</b>

(\*) Tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)**

*Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:*

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		VND
<b>Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:</b>		
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu công nợ	2.913.029.929	-

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND
Phải thu của khách hàng	448.713.626.510	457.903.096.664
<i>Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam</i>	45.131.856.249	45.131.856.249
<i>Khác</i>	403.581.770.261	412.771.240.415
Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	95.439.034	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>448.809.065.544</b>	<b>457.903.096.664</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ( <i>Thuyết minh số 8</i> )	(67.419.573.108)	(65.223.642.815)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>381.389.492.436</b>	<b>392.679.453.849</b>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND
Tofflon Science and Technology Group Company Limited	36.981.616.200	1.658.180.000
Truking Technology Limited	12.926.050.400	267.850.200
Công ty TNHH Lê Gia Phúc	11.865.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Định Tân	9.369.301.792	-
Khác	15.829.815.742	13.630.696.265
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.971.784.134</b>	<b>15.556.726.465</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi ( <i>Thuyết minh số 8</i> )	(1.909.279.592)	(1.873.279.592)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>85.062.504.542</b>	<b>13.683.446.873</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tạm ứng nhân viên	2.805.405.089	1.371.169.088
Lãi tiền gửi dự thu	734.809.420	1.832.822.373
Khác	1.590.856.119	3.425.550.931
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.131.070.628</b>	<b>6.629.542.392</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 8)	(763.588.000)	(2.281.861.467)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>4.367.482.628</b>	<b>4.347.680.925</b>

**8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

**8.1 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	(69.378.783.874)	(68.074.352.999)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(4.571.999.735)	(3.159.114.597)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	2.340.069.442	2.671.922.250
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ	1.518.273.467	148.953.474
Số cuối kỳ	(70.092.440.700)	(68.412.591.872)

**8.2 Nợ quá hạn**

	VND			
	Đối tượng			
	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	Công ty TNHH Kiến Tạo	Khách hàng khác	Tổng cộng
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Giá gốc	46.986.723.841	12.739.449.445	19.926.397.901	79.652.571.187
Dự phòng	(46.986.723.841)	(12.739.449.445)	(10.366.267.414)	(70.092.440.700)
Giá trị thuần	-	-	9.560.130.487	9.560.130.487
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>				
Giá gốc	46.986.723.841	13.139.449.445	24.749.014.846	84.875.188.132
Dự phòng	(46.986.723.841)	(9.197.614.612)	(13.194.445.421)	(69.378.783.874)
Giá trị thuần	-	3.941.834.833	11.554.569.425	15.496.404.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	301.832.859.804	(2.991.316.001)	303.915.620.795	(3.598.086.214)
Thành phẩm	178.103.445.082	(2.764.952.019)	162.634.160.038	(4.097.331.411)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.349.407.895	-	16.604.493.460	-
Hàng mua đang đi đường	9.129.792.537	-	7.732.059.545	-
Hàng hóa	4.677.854.166	(2.624.753.444)	4.052.581.962	(2.814.697.523)
Công cụ, dụng cụ	1.986.013.640	-	1.891.042.427	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>517.079.373.124</b>	<b>(8.381.021.464)</b>	<b>496.829.958.227</b>	<b>(10.510.115.148)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	(10.510.115.148)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	2.129.093.684	-
Số cuối kỳ	<u>(8.381.021.464)</u>	<u>-</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.975.648.157</b>	<b>9.534.457.212</b>
Công cụ, dụng cụ	4.118.992.285	3.806.756.668
Chi phí bảo trì và sửa chữa	3.378.924.336	4.165.666.576
Chi phí thuê	487.600.000	401.150.000
Khác	990.131.536	1.160.883.968
<b>Dài hạn</b>	<b>37.419.249.023</b>	<b>35.723.253.948</b>
Chi phí thuê đất (*)	30.431.329.608	30.783.712.544
Chi phí bảo trì và sửa chữa	4.602.008.134	2.481.910.355
Công cụ, dụng cụ	2.107.585.182	2.013.726.802
Khác	278.326.099	443.904.247
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.394.897.180</b>	<b>45.257.711.160</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội với thời hạn thuê đến ngày 17 tháng 6 năm 2066 và đến ngày 31 tháng 7 năm 2069.

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	220.742.995.716	494.413.106.947	47.024.008.702	18.094.622.040	780.274.733.405
Mua mới trong kỳ	57.282.403	4.363.295.578	-	196.959.091	4.617.537.072
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	9.606.130.446	4.659.507.131	4.028.116.332	39.970.000	18.333.723.909
Thanh lý	-	(1.380.641.728)	-	(77.000.000)	(1.457.641.728)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	230.406.408.565	502.055.267.928	51.052.125.034	18.254.551.131	801.768.352.658
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	33.731.593.124	242.107.107.862	31.450.079.664	13.633.143.452	320.921.924.102
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	123.121.100.838	305.031.468.332	37.584.110.022	15.792.878.259	481.529.557.451
Khấu hao trong kỳ	7.741.020.119	15.370.480.219	1.146.108.497	547.306.829	24.804.915.664
Thanh lý	-	(1.380.641.728)	-	(77.000.000)	(1.457.641.728)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	130.862.120.957	319.021.306.823	38.730.218.519	16.263.185.088	504.876.831.387
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	97.621.894.878	189.381.638.615	9.439.898.680	2.301.743.781	298.745.175.954
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	99.544.287.608	183.033.961.105	12.321.906.515	1.991.366.043	296.891.521.271
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	56.048.384.016	109.849.020.793	680.259.863	504.485.814	167.082.150.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>56.767.881.650</u>	<u>19.057.861.742</u>	<u>75.825.743.392</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	11.469.065.800	11.469.065.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.702.794.182	14.923.085.119	17.625.879.301
Hao mòn trong kỳ	<u>113.471.061</u>	<u>714.230.757</u>	<u>827.701.818</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>2.816.265.243</u>	<u>15.637.315.876</u>	<u>18.453.581.119</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>54.065.087.468</u>	<u>4.134.776.623</u>	<u>58.199.864.091</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>53.951.616.407</u>	<u>3.420.545.866</u>	<u>57.372.162.273</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư (Giai đoạn 2)	72.760.095.509	76.198.328.305
Dây chuyền thuốc tiêm bột	28.671.738.938	28.578.533.644
Nhà máy thuốc vô trùng thể tích nhỏ	26.336.458.950	2.329.504.556
Vấn phòng Chi nhánh Hồ Chí Minh	24.924.000.000	24.924.000.000
Cửa hàng trung bày thiết bị y tế	-	6.417.855.546
Khác	<u>32.344.047.119</u>	<u>23.775.495.742</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>185.036.340.516</u></b>	<b><u>162.223.717.793</u></b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty con	35.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	92.868.048.000	92.868.048.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>3.513.534.971</u>	<u>3.513.534.971</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>131.381.582.971</u></b>	<b><u>131.381.582.971</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)
<b>Các công ty con:</b>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Kinh doanh thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế	Đang hoạt động	100,00	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Liệu Hữu Cơ Bidiphar	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Đang hoạt động	100,00	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b><u>35.000.000.000</u></b>
<b>Công ty liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Khai thác và chế biến mủ cao su	Đang hoạt động	33,58	<u>92.868.048.000</u>
<b>Các đơn vị khác:</b>				
Công ty Cổ phần Thiên Phúc	Cung cấp thiết bị và hệ thống chống sét	Đang hoạt động	10,00	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Đang hoạt động	2,5	1.513.534.971
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b><u>3.513.534.971</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Định Tân	13.273.273.764	-
Truking Technology Limited	3.113.579.550	4.479.579.550
Công ty TNHH Công nghệ Trung Sơn	1.025.388.000	4.824.825.273
Aristopharma Ltd.	-	4.945.248.000
Khác	88.950.801.379	98.394.456.130
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>106.363.042.693</u></b>	<b><u>112.644.108.953</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Người mua trả tiền trước	11.256.316.175	9.406.791.572
Công ty Cổ phần Dược VP-Pharma	2.132.537.400	1.410.401.050
Công ty Cổ phần Thiết bị T&T	2.094.750.000	498.750.000
Công ty Cổ phần Sundial Pharma	1.456.514.547	1.432.571.792
Khác	5.572.514.228	6.065.068.730
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	-	8.925.091.344
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.256.316.175</u></b>	<b><u>18.331.882.916</u></b>

**16. THUẾ**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.535.112.886	25.310.883.066	(29.535.112.886)	22.310.883.066
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	335.505.461	8.783.275.495	(7.505.951.289)	1.612.829.667
Thuế thu nhập cá nhân	240.889.837	13.200.701.680	(12.299.149.238)	1.142.442.279
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(130.633.868)	11.048.526.194	(11.042.779.245)	(124.886.919)
Thuế nhập khẩu	(19.850.259)	296.140.644	(284.868.140)	(8.577.755)
Thuế khác	13.133.219	742.264.688	(755.199.484)	198.423
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.974.157.276</u></b>	<b><u>59.381.791.767</u></b>	<b><u>(61.423.060.282)</u></b>	<b><u>24.932.888.761</u></b>
Trong đó:				
Phải thu	(153.780.605)			(136.761.152)
Phải trả	27.127.937.881			25.069.649.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí hoạt động bán hàng	14.795.642.434	29.523.294.780
Chi phí khác	1.051.808.104	1.269.328.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.847.450.538</u></b>	<b><u>30.792.623.284</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Quỹ từ thiện Thiên Phúc	2.132.965.369	2.472.000.000
Thù lao HĐQT và Ủy Ban Kiểm toán	994.975.675	5.944.975.675
Chi trả hộ	-	3.235.148.290
Khác	1.531.919.599	1.748.789.911
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.659.860.643</u></b>	<b><u>13.400.913.876</u></b>

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>35.267.119.497</b>	<b>40.466.201.000</b>	<b>(67.733.320.497)</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>
Vay ngân hàng	19.267.119.497	40.466.201.000	(59.733.320.497)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh "TM" số 19.1)	16.000.000.000	-	(8.000.000.000)	8.000.000.000	16.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(8.000.000.000)</b>	<b>36.000.000.000</b>
Vay bên liên quan (TM số 19.1)	44.000.000.000	-	-	(8.000.000.000)	36.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.267.119.497</b>	<b>40.466.201.000</b>	<b>(67.733.320.497)</b>	<b>-</b>	<b>52.000.000.000</b>

19.1 Vay dài hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định (TM số 30)	52.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 23 tháng 9 năm 2027	7,0	Tài trợ cho dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội	Toàn bộ tài sản cố định tại dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao - Giai đoạn 1: Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư (TM số 11)
<b>Trong đó:</b>					
Vay dài hạn đến hạn trả	16.000.000.000				
Vay dài hạn	36.000.000.000				

956  
TY  
ẢNH  
THI  
ĐỊNH  
HAR)  
T. B.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

				VND
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>Quỹ thưởng ban điều hành</i>	<i>Tổng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	25.246.465.913	49.791.530.441	10.553.682.026	85.591.678.380
Tăng khác	16.200.000	-	-	16.200.000
Sử dụng quỹ	<u>(2.707.287.000)</u>	<u>(785.420.476)</u>	<u>-</u>	<u>(3.492.707.476)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>22.555.378.913</u>	<u>49.006.109.965</u>	<u>10.553.682.026</u>	<u>82.115.170.904</u>

**21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

			VND
	<i>Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	<i>Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành tài sản cố định</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	65.177.085.243	22.249.013.877	87.426.099.120
Khấu hao TSCĐ trừ vào quỹ	-	<u>(1.383.438.440)</u>	<u>(1.383.438.440)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>65.177.085.243</u>	<u>20.865.575.437</u>	<u>86.042.660.680</u>

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	147.263.283.034	348.310.549.530	1.263.378.068.006
Cổ tức công bố bằng tiền	-	-	-	-	(149.626.204.000)	(149.626.204.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	125.838.527.655	125.838.527.655
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	147.263.283.034	324.522.873.185	1.239.590.391.661
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	174.168.770.079	415.811.782.330	1.357.784.787.851
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	132.452.728.400	132.452.728.400
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	174.168.770.079	548.264.510.730	1.490.237.516.251



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>748.835.590.000</u>	<u>748.835.590.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	-	(149.626.204.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	(149.626.204.000)

**22.3 Vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu được phép phát hành	74.883.559	74.883.559
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.883.559	74.883.559
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(40.085)	(40.085)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.843.474	74.843.474

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**22.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	sở hữu %	VND	sở hữu %
Quỹ Đầu tư Phát triển				
Tỉnh Bình Định	99.884.850.000	13,34	99.884.850.000	13,34
KWE Beteiligungen AG	59.850.000.000	7,99	49.045.000.000	6,54
Các cổ đông khác	588.699.890.000	78,62	599.504.890.000	80,07
Cổ phiếu quỹ	<u>400.850.000</u>	<u>0,05</u>	<u>400.850.000</u>	<u>0,05</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>748.835.590.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>748.835.590.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định ("SKHCNTBD") liên quan tới các hợp đồng "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định", hợp đồng "Nghiên cứu phát triển dạng bào chế và đánh giá tác động của bài thuốc điều trị chấn Thương trong võ cổ truyền Bình Định" và các hợp đồng nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng quy trình nhân giống, trồng và chế biến một số loại cây dược liệu.

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	VND	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>816.569.549.644</b>	<b>791.149.287.464</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán dược phẩm</i>	802.904.926.617	769.051.526.032
<i>Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì,   công cụ dụng cụ</i>	8.441.630.463	8.249.906.693
<i>Doanh thu bán vật tư y tế</i>	4.985.746.193	13.730.319.008
<i>Khác</i>	237.246.371	117.535.731
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(31.061.753.371)</b>	<b>(26.625.075.592)</b>
Chiếu khấu thương mại	(29.354.063.111)	(25.088.585.050)
Hàng bán trả lại	(1.707.690.260)	(1.536.490.542)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>785.507.796.273</b>	<b>764.524.211.872</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	737.065.531.213	714.869.449.880
<i>Doanh thu đối với bên liên quan   (Thuyết minh số 30)</i>	48.442.265.060	49.654.761.992

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	VND	
Cổ tức được chia	5.897.491.313	-
Lãi tiền gửi	4.436.566.842	6.660.501.715
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	829.207.528	1.111.680.962
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.163.265.683</b>	<b>7.772.182.677</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Giá vốn bán dược phẩm	391.164.174.097	362.297.927.800
Giá vốn bán vật tư y tế	4.608.667.956	12.430.175.719
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	5.095.725.582	5.806.733.932
Khác	237.224.942	92.430.551
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>401.105.792.577</u></b>	<b><u>380.627.268.002</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>185.321.803.661</b>	<b>182.921.022.759</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	100.696.981.069	108.169.047.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.673.843.052	25.751.688.434
Chi phí khấu hao	1.533.984.214	1.601.311.819
Chi phí khác	57.416.995.326	47.398.975.023
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>45.226.624.564</b>	<b>43.177.789.234</b>
Chi phí nhân viên	22.327.313.069	22.932.745.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.280.596.889	5.510.985.440
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.015.187.521	5.917.278.956
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.231.930.293	487.192.347
Chi phí khác	10.371.596.792	8.329.587.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>230.548.428.225</u></b>	<b><u>226.098.811.993</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chiết khấu thanh toán	3.567.056.021	3.077.980.113
Chi phí lãi vay	2.253.444.275	4.313.550.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.721.760.452	990.265.019
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.542.260.748</u></b>	<b><u>8.381.795.855</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	305.334.963.764	327.004.946.647
Chi phí nhân viên	166.372.413.290	172.496.002.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.236.022.732	59.404.070.295
Chi phí khấu hao và hao mòn	23.788.374.892	23.250.075.734
Dự phòng phải thu khó đòi	2.231.930.293	487.192.347
Chi phí khác	68.960.395.752	56.859.257.998
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>633.924.100.723</u></b>	<b><u>639.501.545.726</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là:

- theo thuế suất thuế TNDN thông thường 20% trên thu nhập chịu thuế thu được từ hoạt động sản xuất từ nhà máy Nguyễn Thái Học, và
- miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ nhà máy Nhơn Hội.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.310.883.066	32.321.732.954
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(454.391.512)	(578.098.646)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.856.491.554</u></b>	<b><u>31.743.634.308</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>157.309.219.954</u></b>	<b><u>157.582.161.963</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	31.461.843.991	31.516.432.393
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ nhà máy Nhơn Hội	(5.950.035.265)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.179.498.263)	-
Chi phí không được trừ	524.181.091	227.201.915
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>24.856.491.554</u></b>	<b><u>31.743.634.308</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Khấu hao TSCĐ	5.103.365.207	4.343.317.218	760.047.989	757.942.546
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.450.606.280	1.330.444.020	120.162.260	(179.843.900)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.676.204.293	2.102.023.030	(425.818.737)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.230.175.780</b>	<b>7.775.784.268</b>	<b>454.391.512</b>	<b>578.098.646</b>

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan với Công ty và có phát sinh giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Công ty con
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Công ty con
Công ty Cổ phần Cao Su Bidiphar	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Bán hàng hóa	48.506.634.983	54.469.992.789
	Các khoản giảm trừ	64.369.923	4.815.230.797
	Lợi nhuận được chia	5.897.491.313	-
Quý Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	Trả nợ vay	8.000.000.000	8.000.000.000
	Chi phí lãi vay	2.016.000.000	2.429.479.000
	Cổ tức	-	19.976.970.000
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Mua hàng	222.724.074	43.340.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Bán hàng hóa	95.439.034	-
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Bán hàng hóa	-	8.925.091.344
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Mua hàng	-	6.468.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Thu chi hộ	-	173.344.600
<b>Vay dài hạn</b>			
Quý Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	Vay	52.000.000.000	60.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán (“UBKT”) trực thuộc HĐQT trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	2.140.325.000	2.217.082.500
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	1.794.766.596	1.484.372.500
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc	1.480.975.000	1.492.660.000
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	1.199.785.000	1.004.825.000
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên HĐQT	1.007.440.000	436.000.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	750.000.000	550.000.000
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch HĐQT	650.000.000	600.000.000
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên độc lập HĐQT/ Thành viên UBKT (đến ngày 27 tháng 4 năm 2024)	580.000.000	580.000.000
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT (đến ngày 27 tháng 4 năm 2024)	550.000.000	550.000.000
Ông Nguyễn Văn Quá	Thành viên HĐQT (đến ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	858.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.153.291.596</b>	<b>9.772.940.000</b>

**31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	23.161,34	70.221,20
Euro (EUR)	152,50	157,45

**32. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty đang thuê nhà kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	1.621.874.832	1.407.704.832
Từ 1 – 5 năm	651.022.416	1.044.044.832
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.272.897.248</b>	<b>2.451.749.664</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Cam kết đầu tư***

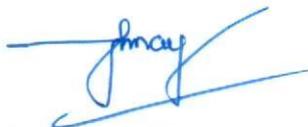
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây nhà máy như sau:

	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	VND Giá trị cam kết còn lại
Nhà máy thuốc vô trùng thể tích nhỏ	211.635.058.000	26.336.458.950	185.298.599.050
Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư (Giai đoạn 2)	74.415.403.184	72.760.095.509	1.655.307.675
Dự án GMP-EU	73.215.000.000	10.483.852.674	62.731.147.326
Dây chuyền thuốc tiêm bột	31.427.785.000	28.671.738.938	2.756.046.062
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>390.693.246.184</b>	<b>138.252.146.071</b>	<b>252.441.100.113</b>

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 749/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc phát hành cổ phần phổ thông từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 25%, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Theo đó, vào ngày 26 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1056/NQ-HĐQT đã phê duyệt kết quả phát hành 18.710.868 cổ phiếu trên và vốn cổ phần của Công ty sau đợt phát hành là 935.938.470.000 VND. Việc thay đổi vốn cổ phần này cũng được SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024. Công ty đã nhận được Công văn số 455/QĐ-SGDHCM của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 26 tháng 7 năm 2024, chấp thuận Công ty được thay đổi đăng ký niêm yết.

Ngoài sự kiện như được trình bày trên đây, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Thanh May  
Người lập



Đỗ Huy Phương  
Kế toán trưởng


Phạm Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2024